

Bản án số 557/2022/HS-PT

Ngày 16-8-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ;

***Các Thẩm phán:*** Ông Lê Văn An;

Ông Nguyễn Văn Khương.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Công Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 142/2022/TLPT-HS ngày 24 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn Đ. Do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T và người đại diện hợp pháp của người bị hại bà Nguyễn Thị X đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

***- Bị cáo có kháng cáo:***

**Nguyễn Hữu T** sinh năm 1992 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký thường trú: xóm V, xã K, huyện N, tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký tạm trú: khu phố L, phường H, thành phố D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu C1, sinh năm 1958 và bà Tô Thị M1, sinh năm 1972; bị cáo có vợ tên Lê Thị V1, sinh năm 1992 và có 01 người con (sinh năm 2017); tiền án: không, tiền sự: không; nhân thân:

+ Ngày 24/03/2011 bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 05 năm 03 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2011/HS-ST.

+ Ngày 26/12/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 539/2014/HS-ST.

+ Ngày 02/11/2018 bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) A1, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự số 210/2018/HS-ST.

+ Ngày 04/05/2021 thực hiện hành vi “Giết người”, “Trộm cắp tài sản” sau đó bỏ trốn đến ngày 07/5/2021 đến Công an đầu thú. Ngày 14/05/2021 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương ra Quyết định khởi tố bị cáo và ra Lệnh tạm giam để điều tra cho đến nay. *(có mặt)*

- *Bị cáo bị kháng cáo:*

**Nguyễn Văn Đ** sinh năm 1991 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký thường trú: số 05/A13, khu phố 3, phường A, thành phố A1, tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký tạm trú: số 48/46 đường HT, khu phố Tây A, phường h1, thành phố D, tỉnh, Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C2, sinh năm 1962 và bà Trần Thị M2, sinh năm 1969; có vợ tên Phạm Thị V2, sinh năm 1988 và có 04 người con (lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2000); tiền án; không, tiền sự: không; nhân thân:

+ Ngày 18/06/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tuyên phạt 15 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự số 120/2012/HS-ST.

+ Ngày 26/12/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã (nay là thành phố) D, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 20 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo Bản án số: 539/2014/HS-ST.

+ Ngày 04/05/2021 thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” sau đó bỏ trốn đến ngày 07/5/2021 bị cáo đến Công an đầu thú. Ngày 14/05/2021 bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh tạm giam để điều tra cho đến nay. *(có mặt)*

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu T: Luật sư LS1 – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt và gửi bài bào chữa)*

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Hữu T: Luật sư LS2 – Đoàn*

Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Văn Đ: LS3 – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bị hại:

1. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1983 (đã chết).

Người đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Văn B:

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956 (là mẹ của bị hại); nơi đăng ký tạm trú: số 35/7, khu phố P, phường C, thành phố A1, tỉnh Bình Dương. (có mặt)

- Cháu Phạm Lê Tr, sinh ngày 01/7/2013. (vắng mặt)

- Cháu Phạm Lê Tuệ M, sinh ngày 24/7/2013. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu Phạm Lê Tr và Phạm Lê Tuệ M: Bà Lê Thị R sinh năm 1990; nơi cư trú: thôn P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Bình Phước (là mẹ của cháu Tr và cháu Tuệ M); bà R đã ly hôn với ông B. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của bà R, cháu Tr, cháu Tuệ M: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956. (vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đại diện bị hại: Ông LS4 - Luật sư Văn phòng Luật sư G thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Ông Bùi Quyết Y, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ô 08, KDC S, khu phố 4, phường A, thành phố A1, tỉnh Bình Dương. (vắng mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn Đ là bạn với nhau, thường xuyên gặp nhau để uống cà phê. Vào khoảng 16 giờ ngày 04/5/2021, Nguyễn Hữu T điện thoại rủ Nguyễn Văn Đ đi trộm xe mô tô thì Đ đồng ý và hẹn T đến đón tại đầu hẻm 156 đường Trần Hưng Đạo, phường h1, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T giấu trong túi quần bên phải một con dao Thái Lan, cán nhựa màu vàng dài khoảng 20 cm và điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu đỏ đen (T khai không nhớ biển số mua lại của người không rõ lai lịch) đến điểm hẹn đón Đ. T đưa xe mô tô cho Đ chở T đến khu dân cư S (địa chỉ: khu phố 4, phường A, thành phố A1, tỉnh Bình Dương). T phát hiện một xe mô tô hiệu Honda SH biển số 29B1 - 345.67 của ông Bùi Quyết Y đang dựng trong nhà không có người trông coi nên T xuống xe đi bộ vào trong nhà ông Y còn Đ đứng phía ngoài cảnh

giới cách vị trí xe của bị hại khoảng 30 mét. T dùng tay chạm vào xe mô tô hiệu Honda SH biển số 29B1 - 345.67 để dẫn đi thì còi và đèn báo động chống trộm của xe hú lên. T thả xe nhanh chóng đi ra ngoài thì bị ông Y cùng người dân phát hiện nên truy đuổi nhưng T đã bỏ chạy lên xe mô tô Đ đang đợi sẵn, tẩu thoát.

Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Đ chở T đi trên đường XX khu dân cư S, T và Đ phát hiện thấy xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu đen biển số: 93P2 - 751.11 đang dựng trước Nhà khoa H1 (địa chỉ: Ô 19B, đường XX, khu dân cư S, khu phố 4, phường A, thành phố A1, tỉnh Bình Dương). Đ chở T đi qua đi lại 03 vòng để quan sát. T không thấy người trông coi xe nên nói Đ điều khiển xe đi chậm lại cho T xuống xe còn Đ điều khiển xe mô tô đứng cách vị trí xe của bị hại khoảng 20 m. T dùng tay đẩy lùi xe của bị hại về sau được một đoạn ngắn thì bị ông Phạm Văn B (chủ sở hữu đang chơi bida tại quán Bo Nguyễn đối diện bên đường) phát hiện tri hô và chạy về phía T. T liền quay người lại lấy trong túi quần bên phải 01 con dao Thái Lan đuổi ông B, ông B chạy ngược lại trước quán bida thì bị vấp ngã ở lề đường trước quán Bida. T chạy đến cầm dao tay phải đâm 01 nhát vào vùng ngực ông B rồi rút dao bỏ chạy đến chỗ Đ đang nổ máy chờ sẵn rồi tẩu thoát. Ông B bị đâm nên ôm ngực và tri hô, người dân đang đánh bida nhìn thấy chạy đuổi theo Đ và T nhưng không bắt được. Ông B được người dân đưa đi cấp cứu tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương nhưng ông Tài đã chết trước khi đến bệnh viện. Đ chở T về địa điểm lúc T đón Đ, Đ xuống xe đi về nhà, T điều khiển xe mô tô đi đến gần cầu vượt Bình Phước, T ném con dao xuống cầu rồi điều khiển xe mô tô đi đến Quận YY, Thành phố Hồ Chí Minh, bán xe mô tô của T cho một người đàn ông không rõ lai lịch được 7.000.000 đồng. Sau đó T mua 01 bộ quần áo mới thay rồi đón xe về tỉnh Nghệ An để trốn. Ngày 07/5/2021, sau khi biết được thông tin ông Phạm Văn B tử vong, T và Đ đến Cơ quan Công an để đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Kết luận Giám định pháp y tử thi số: 380/PC09-GDPY ngày 13/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận nguyên nhân tử vong của bị hại Phạm Văn B như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

Vùng ngực: tại vị trí 1/3 giữa xương ức liên sườn số 3, 4 có vết thương thủng da cơ sâu thấu vào khoang màng phổi trái gây:

- Thủng bao tim;
- Thủng tim vùng thất phải, xuyên thấu vào buồng tim thủng thất trái;
- Bao tim chứa 100gr máu đông và 100ml máu không đông;
- Khoang màng phổi phải chứa 1500ml máu.

Cơ chế hình thành thương tích và đặc điểm vật gây thương tích:

- Cơ chế hình thành thương tích: vết thương vùng ngực gây thủng tim làm mất nhiều máu dẫn đến chết cho nạn nhân, vết thương có chiều hướng từ ngoài vào trong, từ phải qua trái, chệch từ trên xuống dưới. Được hình thành theo cơ chế đâm.

- Đặc điểm vật gây thương tích: vết thương vùng ngực được tạo ra do vật sắc nhọn có bản mỏng như (dao, dao dạng dao Thái Lan...).

Nguyên nhân tử vong của nạn nhân: choáng mất máu cấp do vết thương thấu ngực gây thủng tim.

Vật chứng trong vụ án:

- 01 (một) tay nắm sau (cảng dắt) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu đen; 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, màu đen, biển số: 93P2 - 751.11, số khung: TLCUG1210MY012359, số máy: G3M5E015915; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 93 004054 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/02/2021; 01 (một) biển nhận bán xe số: HC5-BX21020401 đề ngày 04/02/2021 của Cửa hàng Hoàng Cầu 5 (thu giữ của bị hại B).

- 01 xe mô tô biển số 29B1 - 345.67 của bị hại Y (không thu giữ).

- Tại Kết luận định giá tài sản số: 3163/KL-HĐĐGTS, ngày 26/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng Hình sự - Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương kết luận: xe mô tô biển số 93P2 - 751.11 tại thời điểm ngày 04/5/2021 có giá trị là 46.000.000 (bốn mươi sáu triệu) đồng.

- Tại Kết luận định giá tài sản số: 3161/KL-HĐĐGTS, ngày 26/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong Tổ tụng Hình sự Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương kết luận: xe mô tô biển số 29B1 - 345.67 tại thời điểm ngày 04/5/2021 có giá trị là 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

Tại Kết luận giám định số: 3.113-2021/ADN ngày 21/5/2021 của Trung tâm Pháp Y - Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Đã lập được hồ sơ ADN của Phạm Văn B.

- Hồ sơ ADN các mẫu không đủ làm cơ sở so sánh đối chiếu:

+ Dấu vết tại vị trí bao tay bên trái và đuôi yên sau xe mô tô;

+ Dấu vết trên cảng dắt xe mô tô.

- Không đủ cơ sở để kết luận ADN của Phạm Văn B có hiện diện trong:

+ Dấu vết tại vị trí bao tay bên trái và đuôi yên sau xe mô tô;

+ Dấu vết trên cangk dất xe mô tô.

- Tại Kết luận giám định số: 3.113A-2021/ADN ngày 25/5/2021 của Trung tâm Pháp Y - Sở Y tế thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- Đã lập được hồ sơ ADN của Nguyễn Hữu T.

- Không đủ cơ sở để kết luận ADN của Nguyễn Hữu T có hiện diện trong:

+ Dấu vết tại vị trí bao tay bên trái và đuôi yếm sau xe mô tô;

+ Dấu vết trên cangk dất xe mô tô.

Về phân trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị X (mẹ ruột của bị hại Phạm Văn B) là người đại diện theo pháp luật của bị hại yêu cầu bồi thường chi phí mai táng, tổn thất về tinh thần và chi phí cấp dưỡng cho 02 con nhỏ của bị hại đến năm 18 tuổi với tổng số tiền là 1.662.700.000 (một tỷ sáu trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm nghìn) đồng. Bị cáo T chưa bồi thường. Đối với xe mô tô do chưa bị mất nên bà X không yêu cầu gì.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã quyết định:*

Căn cứ các Điều 298, 299, 326, 327, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Giết người” và tội “Trộm cắp tài sản” (chưa đạt). Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” (chưa đạt).

#### 1. Về hình phạt:

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 15, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 40, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T tử hình về tội “Giết người”; 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là tử hình.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hữu T để đảm bảo cho việc thi hành án.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 15, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 357, 584, 585, 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải bồi thường số tiền 211.700.000 (hai trăm mười một triệu bảy trăm nghìn) đồng cho người đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Văn B là bà Nguyễn Thị X;

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T cấp dưỡng cho cháu Phạm Lê Tr, sinh ngày 01/7/2013 và cháu Phạm Lê Tuệ M, sinh ngày 24/7/2017 mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 04/5/2021 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tiền cấp dưỡng giao cho bà Nguyễn Thị X nhận đối với cháu Phạm Lê Tr và bà Lê Thị R nhận đối với cháu Phạm Lê Tuệ M.

Tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án do ông Đặng Minh E nộp thay bị cáo Nguyễn Hữu T theo Biên lai thu số 0000035 ngày 10/01/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

3. Về biện pháp tư pháp: áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T nộp số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 24/01/2022, bị cáo Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm về phần hình phạt theo hướng đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/01/2022, người đại diện hợp pháp của bị hại ông Phạm Văn B là bà Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm theo hướng yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu T đối với tội “Trộm cắp tài sản”, tăng trách nhiệm bồi thường của bị cáo T như trong đơn yêu cầu bồi thường; đề nghị tăng nặng mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ đối với tội “Trộm cắp tài sản” và làm rõ vai trò đồng phạm đối với tội “Giết người” của bị cáo Đ.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận án sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội. Bị cáo T giữ nguyên kháng cáo xin giảm án để có cơ hội khắc phục hậu quả cho các con của bị hại, con của bị cáo cũng còn nhỏ, bị cáo đã vô cùng hối hận vì đã gây ra cái chết cho bị hại. Bị cáo Đ xin giữ nguyên hình phạt như án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo.

*Người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày:*

Đối với kháng cáo tăng hình phạt về tội Trộm cắp tài sản đối với bị cáo

Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn Đ cùng yêu cầu tăng mức bồi thường: do phía bị hại đã suy xét lại nên xin rút lại yêu cầu kháng cáo này.

Riêng hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ là giúp sức tích cực cho Nguyễn Hữu T trong việc chứng kiến T đâm bị hại và sẵn sàng chờ T chạy thoát khỏi hiện trường. Qua hình ảnh camera được Cơ quan Điều tra trích xuất cho thấy bị cáo T phạm tội hết sức côn đồ, cố ý tước đoạt tính mạng của bị hại. Bản thân bị cáo từng trộm cắp bị phạt tù nhưng không sửa đổi, tiếp tục đi trộm cắp. Gia đình bị cáo không hề sang thăm hỏi gia đình bị hại, số tiền đã nộp ở cơ quan điều tra là người khác nộp chứ không phải của gia đình bị cáo. Yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt tử hình đối với bị cáo T và chấp nhận kháng cáo xem xét xử lý vai trò đồng phạm đối với tội “Giết người” của bị cáo Đ.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T và đại diện hợp pháp người bị hại được làm trong hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung vụ án và yêu cầu kháng cáo: án sơ thẩm đã quy kết hành vi của các bị cáo là có căn cứ, tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo đã thừa nhận hành vi và lời thừa nhận này phù hợp với chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án.

Đại diện bị hại rút một phần kháng cáo về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu T và rút lại yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại là sự tự định đoạt của đương sự nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với nội dung kháng cáo này.

Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” và xét xử bị cáo về tội “Giết người” do bị cáo phạm tội có tổ chức và có hành vi giúp sức cho bị cáo T tẩu thoát ngay sau khi T đâm bị hại – tuy nhiên xét bị cáo T đã hành động bộc phát khi bị ông Phạm Văn B phát hiện đang lấy trộm xe và tri hô, hành vi này giữa Đ và T không bàn bạc, không thống nhất ý chí nên không có cơ sở để quy kết bị cáo Đ là đồng phạm tội “Giết người”. Đối với tội Trộm cắp tài sản, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt nên hình phạt đã tuyên là tương xứng. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của đại diện bị hại.

Đối với kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T xin giảm nhẹ hình phạt: theo án sơ thẩm ghi nhận bị cáo đã động viên gia đình khắc phục một phần hậu quả, gia đình bị cáo có công với cách mạng, sau khi biết bị hại chết bị cáo đã ra đầu



thú cho thấy đã ăn năn hối cải nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt cách ly vĩnh viễn khỏi đời sống xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm hình phạt cho bị cáo từ tử hình xuống tù chung thân.

*Người bào chữa của bị cáo T trình bày:*

Qua các chứng cứ đã thu thập và lời thừa nhận của bị cáo cho thấy án sơ thẩm đã xét xử đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ là bị cáo có con còn nhỏ, gia đình có đến thăm viếng gia đình bị hại và khắc phục một phần hậu quả, nhân thân bị cáo không tiền án tiền sự, bị cáo đã đầu thú nên thuộc các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Bộ luật hình sự để được hưởng sự khoan hồng của pháp luật. Đề nghị chấp nhận kháng cáo giảm hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát.

*Người bào chữa của bị cáo Đ trình bày:*

Cấp sơ thẩm đã tiến hành đúng thủ tục tố tụng và tuyên phạt đúng với hành vi của từng bị cáo, hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ không có tính đồng phạm với hành vi Giết người như kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị hại nêu trong kháng cáo. Không có tài liệu, chứng cứ nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo liên quan đến bị cáo Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đại diện bị hại trình bày:*

Căn cứ vào chứng cứ vụ án đã được thu thập, án sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo T là có cơ sở nên đề nghị giữ nguyên tội danh và hình phạt đã tuyên. Đối với bị cáo Đ chỉ bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản là bỏ sót hành vi đồng phạm về tội “Giết người”, vì Đ có mặt ngay tại hiện trường khi T đâm bị hại và vẫn đồng ý chờ T rời đi nên phải xem là giúp sức tích cực. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của đại diện người bị hại.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử khoan hồng, các bị cáo đã rất hối hận về hành vi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện người bị hại rút lại một phần kháng cáo về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu T và rút lại yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại là sự tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử nội dung kháng cáo này.

## [2] Về nội dung:

Căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập, lời khai của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác có cơ sở xác định: vào khoảng 18 giờ ngày 04/5/2021, Nguyễn Văn Đ điều khiển xe mô tô chở Nguyễn Hữu T tìm xe mô tô để trộm. T đã vào lấy trộm xe mô tô hiệu Honda SH biển số 29B1 – 345.67 của ông Bùi Quyết Y dựng trong nhà tại địa chỉ Ô 08, góc đường XY giao với đường XX, khu Dân cư S thuộc Khu phố 4, phường A, thành phố A1, tỉnh Bình Dương. Do xe có cài hệ thống báo động nên ông Y đã phát hiện tri hô nên T thả xe ngã xuống và chạy ra để Đ chở đi tẩu thoát.

Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, Đ tiếp tục điều khiển xe mô tô chở T lấy trộm xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu đen, biển số 93P2 – 751.11 đang dựng trước Nha khoa H1, địa chỉ Ô 19B, đường XX, khu Dân cư S thuộc Khu phố 4, phường A, thành phố A1, tỉnh Bình Dương. Khi T lúi xe được một đoạn thì bị ông Phạm Văn B phát hiện tri hô đuổi theo nên T dùng dao mang theo sẵn đâm ông B tử vong.

Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn Đ đã có hành vi cố ý cùng đi tìm lấy trộm xe mô tô của người khác, đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” vì đã dịch chuyển tài sản khỏi vị trí ban đầu nhưng không chiếm đoạt được do bị phát hiện và tri hô. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân và thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần, phạm tội có tính đồng phạm.

Quá trình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Nguyễn Hữu T còn dùng dao mang theo sẵn để đuổi theo đâm bị hại Phạm Văn B do bức tức vì bị ông B tri hô làm ông B tử vong, sau đó lên xe của Đ để tẩu thoát. Hành vi này đã trực tiếp xâm phạm tính mạng người khác. Đây là hành vi vượt quá của cá nhân bị cáo T nên đối với Nguyễn Hữu T còn phải tự chịu trách nhiệm hình sự về tội “Giết người” với tình tiết “phạm tội có tính côn đồ”.

Căn cứ vào kết quả giám định pháp y, kết quả định giá tài sản bị chiếm đoạt, cấp sơ thẩm đã truy tố, xét xử các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn Đ theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và đối với Nguyễn Hữu T theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

## [3] Về yêu cầu kháng cáo:

Xét bị cáo Nguyễn Hữu T có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt: bị cáo cho rằng án sơ thẩm tuyên hình phạt quá khắc khe, do bị hại chặn đường tẩu thoát của bị cáo nên bị cáo mới rút dao đâm bị hại một nhát nhằm gây thương tích để bị hại không tri hô và đuổi bắt bị cáo chứ bị cáo không muốn tước đoạt tính mạng của bị hại, bị hại chết là ngoài mong muốn của bị cáo. Ngoài ra, bị cáo có nhiều tình

tiết giảm nhẹ như đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tích cực khắc phục hậu quả, là lao động chính trong gia đình, các con còn nhỏ, gia đình có công với cách mạng và đã ra đầu thú nên mong có cơ hội được sống để chuộc lại lỗi lầm. Tuy nhiên, diễn biến hành vi bị cáo đã thực hiện cho thấy vào thời điểm bị cáo vừa rút dao ra thì bị hại Phạm Văn B trông thấy đã sợ hãi chạy ngược lại quán bida, không còn truy đuổi bị cáo nhưng bị cáo vẫn quyết tâm cầm dao truy sát. Khi bị hại té ngã, bị cáo không còn bị cản trở, có cơ hội chạy thoát nhưng vẫn cố ý đâm bị hại trong tư thế đang ngã xuống đất không phản kháng lại được. Tình huống này buộc bị cáo phải nhận thức được hậu quả nguy hiểm của hành vi khi sử dụng hung khí đâm vào vùng trọng yếu của cơ thể người khác. Do vậy, không có cơ sở để cho rằng bị cáo chỉ cố ý gây thương tích cho bị hại. Các lý do kháng cáo còn lại là các tình tiết giảm nhẹ đã được án sơ thẩm ghi nhận và áp dụng khi lượng hình nên không có cơ sở để áp dụng thêm cho bị cáo. Án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, về hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, xem xét về nhân thân xấu, về mức độ bồi thường chỉ đạt một phần so với thiệt hại nên hình phạt đã tuyên là phù hợp. Do đó không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Đối với kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị hại Phạm Văn B thấy rằng: Đối với kháng cáo tăng hình phạt về tội Trộm cắp tài sản đối với bị cáo Nguyễn Hữu T và Nguyễn Văn Đ cùng yêu cầu tăng mức bồi thường thiệt hại, phía bị hại đã rút lại yêu cầu kháng cáo này, việc rút một phần kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với yêu cầu xem xét xử lý vai trò đồng phạm đối với tội “Giết người” của bị cáo Đ, như đã nhận định, là hành vi vượt quá của cá nhân bị cáo T nên bị cáo phải tự chịu trách nhiệm hình sự về tội “Giết người”. Do vậy việc yêu cầu xem xét vai trò đồng phạm của bị cáo Đ theo trình bày của người đại diện hợp pháp cho bị hại là không có cơ sở.

Quan điểm của Kiểm sát viên cho rằng không cần thiết áp dụng hình phạt cách ly vĩnh viễn bị cáo Nguyễn Hữu T khỏi đời sống xã hội do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ là chưa xem xét đến tính nghiêm trọng của hành vi phạm tội, về nhân thân của bị cáo đã nhiều lần bị xử phạt nhưng không có ý thức cải tạo, bị cáo vừa thực hiện tội phạm nghiêm trọng liền sau đó tiếp tục thực hiện tội đặc biệt nghiêm trọng khác cho thấy bản tính ngoan cố, khó cải sửa. Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm này nên quyết định giữ nguyên án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu T.

Án sơ thẩm không xem xét và áp dụng điều luật về tình tiết các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn là thiếu sót, tuy nhiên việc này không ảnh hưởng đến bản chất vụ án nên Hội đồng xét xử chỉ bổ sung cho đầy đủ.

*Về án phí hình sự phúc thẩm:* Bị cáo Nguyễn Hữu T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 342, điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự .

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo về tăng hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hữu T, Nguyễn Văn Đ về tội Trộm cắp tài sản và yêu cầu kháng cáo tăng mức bồi thường thiệt hại của người đại diện hợp pháp cho bị hại.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu T về giảm hình phạt tội Giết người và kháng cáo của người đại diện của bị hại yêu cầu xét xử bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội Giết người (thuộc trường hợp đồng phạm).

Giữ nguyên án sơ thẩm. (có bổ sung về điều luật áp dụng)

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội “Giết người” và tội “Trộm cắp tài sản” (chưa đạt). Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản” (chưa đạt).

Áp dụng: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 15, Điều 17, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 40, Điều 55, Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T tử hình về tội “Giết người”; 04 (bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 tội là tử hình.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Hữu T để đảm bảo cho việc thi hành án.

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173, Điều 15, Điều 17, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 57, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/5/2021.

2. Về trách nhiệm dân sự: áp dụng các Điều 357, 584, 585, 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải bồi thường số tiền 211.700.000 (hai trăm mười một triệu bảy trăm nghìn) đồng cho người đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Văn B là bà Nguyễn Thị X;

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T cấp dưỡng cho cháu Phạm Lê Tr, sinh ngày 01/7/2013 và cháu Phạm Lê Tuệ M, sinh ngày 24/7/2017 mỗi cháu là 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 04/5/2021 đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tiền cấp dưỡng giao cho bà Nguyễn Thị X nhận đối với cháu Phạm Lê Tr và bà Lê Thị R nhận đối với cháu Phạm Lê Tuệ M.

Tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng để đảm bảo thi hành án do ông Đặng Minh E nộp thay bị cáo Nguyễn Hữu T theo Biên lai thu số 0000035 ngày 10/01/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

3. Về biện pháp tư pháp: áp dụng các điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Hữu T nộp số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Trong thời hạn 07 ngày kể từ khi tuyên án, bị cáo Nguyễn Hữu T có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước xin ân giảm.**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (3);
- VKSND tỉnh Bình Dương (1);
- Cục THADS tỉnh Bình Dương (1);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (1);
- Công an tỉnh Bình Dương (1);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bình Dương (3);
- Người tham gia tố tụng (7);
- Lưu VP(3), HS(2). 25b.NHT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thụy Vũ**